| TOÀ ÁN NHÂN DÂN<br>TỈNH AN GIANG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 116/2020/DS-PT
Ngày: 13-8-2020
V/v tranh chấp: "Chia di sản thừa kế".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà* : Ông Nguyễn Văn Sơn

*Các Thẩm phán:* Ông Cao Minh Lễ

Ông Đào Chí Keo

***- Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 132/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019; về việc tranh chấp "*Chia di sản thừa kế"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2019, của Toà án nhân dân huyện CM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 131/2019/QĐPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1960 (có mặt)

Cư trú: Ấp LT, xã LĐ, huyện CM, tỉnh An Giang.

*2. Bị đơn:* Ông Trần Văn D, sinh năm 1965 (có mặt)

Trước đây cư trú: Ấp T1, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang.

Nay cư trú: Ấp LT, xã LĐ, huyện CM, tỉnh An Giang

*3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

*3.1.* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1939

Cư trú: Ấp LP, xã LĐ, huyện CM, tỉnh An Giang.

*3.2.* Ông Nguyễn Phú C, sinh năm 1966

*3.3.* Ông Nguyễn Phú A, sinh năm 1967

Cùng cư trú: Ấp LP, xã LĐ, huyện CM, tỉnh An Giang.

*3.4.* Ông Nguyễn Phú S, sinh năm 1970

Cư trú: 282, ấp TT, xã TH, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

*3.5* Ông Nguyễn Phú L, sinh năm 1972

Cư trú: Số 251, đường VK, ấp ĐH, xã NĐ, huyện CK, thành phố Hồ Chí Minh.

*3.6* Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1974

Cư trú: Ấp HT, xã ĐT, huyện TS, tỉnh An Giang.

*3.7* Bà Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1979

Cư trú: Ấp LP, xã LĐ, huyện CM, tỉnh An Giang.

*3.8* Bà Trần Thị G, sinh năm 1954 (có mặt).

*3.9* Ông Trần Văn T, sinh năm 1957

*3.10* Ông Trần Văn K, sinh năm 1952

*3.11* Ông Lê Văn U, sinh năm 1963

Cùng cư trú: Ấp LT, xã LĐ, huyện CM, tỉnh An Giang.

*3.12* Ủy ban nhân dân huyện CM

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Ông Trần Văn D là bị đơn, bà Trần Thị G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện:

*Nguyên đơn ông Trần Văn Đ trình bày:* Cha là Trần Bình Â (chết năm 1994) và mẹ Nguyễn Thị E (chết năm 2004). Tài sản cha mẹ để lại 5.000m$^2$ đất, tọa lạc tại ấp LT, xã LĐ, huyện CM, tỉnh An Giang. Cha mẹ có 05 người con: Trần Văn K, Trần Thị G, Trần Văn T, Trần Văn Đ và Trần Văn D. Vào năm 1991 cha mẹ có cho ông Đ diện tích 1000m$^2$ đất và anh ông là Trần Văn T 1000m$^2$, còn 3.000m$^2$ cha mẹ trực tiếp canh tác. Đến năm 1992 thì ông Trần Văn T hỏi mượn 1000m$^2$ của ông để canh tác, ông đồng ý cho mượn, khoảng 01 năm sau năm 1992 ông T được tập đoàn sản xuất cấp cho diện tích 500m$^2$. Đất này nguồn gốc là của ông Võ Văn Ă (O). Ông T không làm mà cho ông mượn phần đất này để trồng bắp nên ông canh tác chưa được 01 mùa bắp thì có quyết định 303 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang lúc này có chủ trương phải trả lại đất cho chủ cũ; ông không biết việc này vì đất này của ông T, lúc đó ông D nói với ông đi thỏa thuận với chủ đất. Do hộ khẩu của ông D nằm trong Sở Giáo dục tỉnh An Giang, ông D không đi thỏa thuận được, nên ông đi thỏa thuận với chủ đất chủ đất hoàn cho ông 10 giạ lúa và ông Ă (O) lấy lại 500m$^2$ ông đang trồng bắp. Còn phần đất ông cho ông T mượn, ông T tự ý bán cho bà G ông không biết, khoảng 02

tháng sau ông nghe người khác nói lại, ông gặp bà G; bà G nói ông T bán cho bà 02 chỉ vàng nếu có vàng thì chuộc lại, lúc này ông không có vàng. Khoảng 02 năm sau ông mới biết bà G bán lại cho ông D không biết với giá bao nhiêu vì không ai nói cả. Còn phần 3.000m$^2$ cha mẹ tiếp tục làm đến khi cha mẹ chết anh em họp lại chia. Ông không dự họp nhưng ông biết chia ra phần ông D 1000m$^2$, còn 04 anh em mỗi người 500m$^2$. Mấy anh em đã nhận tiền và chia xong nhưng sau đó bán cho ông D nên hiện nay toàn bộ 5000m$^2$ ông D đi đăng ký quyền sử dụng đất ông không biết. Như vậy xem như phần đất 1000m$^2$ ông được cha mẹ cho lúc còn sống hiện nay anh, chị, em trong gia đình tính toán như thế nào ông không biết, nhưng ông không yêu cầu phần này. Nay ông chỉ yêu cầu chia cho ông 500m$^2$ đất của cha mẹ để lại trong phần 3.000m$^2$ còn lại. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*Bị đơn ông Trần Văn D trình bày*: Cha mẹ ông là Trần Bình Â (chết năm 1994) và mẹ là Nguyễn Thị E (chết năm 2004). Tài sản cha mẹ lúc con sống có tạo lập được 5000m$^2$ đất, tọa lạc tại ấp LT, xã LĐ, huyện CM, tỉnh An Giang. Cha mẹ có 05 người con: Trần Văn K, Trần Thị G, Trần Văn T, Trần Văn Đ và Trần Văn D.

Năm 1986 cha mẹ cho ông Trần Văn T 1000m$^2$, Trần Văn Đ 1000m$^2$ 02 người canh tác diện tích đất này được khoảng 04 năm, đến năm 1990 Nhà nước cấp cho ông T quyền sử dụng đất 500m$^2$ do ông T là hộ nghèo không có đất sản xuất tại địa phương (đất này cách đất 1000m$^2$ cha mẹ cho khoảng 800m theo đường chim bay). Do sử dụng 02 đất 02 nơi không tiện nên ông Đ và ông T đổi đất cho nhau (đất ông Đ được cha mẹ cho 1000m$^2$ là đất ruộng còn đất ông T được Nhà nước cấp là đất màu và gần đường vợ ông Đ là người mua bán đồ rẫy nên đổi đất sẽ thuận tiện để vợ ông Đ canh tác hoa màu, đổi 1000m$^2$ đất ruộng lấy 500m$^2$ đất màu đổi ngang). Lý do ông T được cấp đất lúc đó có Quyết định 303 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Ông T phải trả lại đất cho ông Võ Văn O (là người chủ cũ của phần đất 500m$^2$ cấp cho ông T) ông O hoàn hoa lợi cho ông Đ 10 giạ lúa nên phần đất này không còn nữa. Như vậy ông Đ không còn đất nữa. ông T có 2000m$^2$ (phần đổi với ông Đ 1000m$^2$ phần được cha mẹ cho 1000m$^2$). Còn 3.000m$^2$ anh em họp lại (không có mặt ông Đ) thống nhất chia cho ông D 1000m$^2$, ông K 500m$^2$, bà G 500m$^2$, còn 1000m$^2$ giao cho ông thờ cúng ông, bà. Bà G, ông K bán đất lại cho ông. Phần ông T 2000m$^2$ cũng bán cho ông, giá 07 chỉ vàng 9999. Năm 1994 ông đăng ký quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01296/cB, tờ bản đồ số 03, thửa đất số 2558, diện tích 5.265m$^2$, loại đất 2L, do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp ngày 25.11.1994, đất tọa lạc tại ấp LT, xã LĐ, huyện CM, tỉnh An Giang, cấp cho Trần Văn D.

Nay phần đất đã giải quyết xong nên ông Đ yêu cầu chia thừa kế cho ông Đ 500m$^2$ ông không đồng ý. Mẹ mất anh em ông ngồi lại: K, T, G, (Đ đang ở ngoài đường) ý ông D như sau: D 1000m$^2$, K 1000m$^2$, G 1000m$^2$. Ông T không đồng ý với lý do cha mẹ mất ông D lo ma chay và 1000m$^2$ còn lại dành thờ cúng và chôn cất về sau. Tất cả điều đồng ý và ông K, bà G có nhận 500m$^2$ như đã nói trên. Ông không đồng ý chia 500m$^2$ cho ông Trần Văn Đ. Đất này hiện nay ông đã cho ông Lê Văn U và bà Lư Thị Thùy Ch ngụ ấp LT, LĐ thuê với giá 12.500.000đ/năm/5000m$^2$ thời hạn đến hết 12.2014. Nay có tranh chấp ông đã cắt hợp đồng thuê đất với vợ chồng ông U,

bà Ch. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết phần này. Đất này hiện nay ông đang quản lý, sử dụng.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

*Bà Trần Thị G trình bày*: Cha mẹ bà là Trần Bình Â, sinh năm 1921 (đã chết năm 1994) và mẹ là Nguyễn Thị E, sinh năm 1923 (đã chết năm 2004). Cha mẹ có 05 người con: Trần Văn K, Trần Thị G, Trần Văn T, Trần Văn Đ, Trần Văn D. Ngoài ra mẹ bà còn có 02 người con riêng tên: Nguyễn Văn Ph (đã chết) có 06 người con, cụ thể bà không biết tên và địa chỉ và Nguyễn Văn B. Tài sản cha mẹ để lại gồm 05 công đất cha mẹ chết chưa chia cho ai; cha bà cho Trần Văn Đ 01 công, 03 công cha mẹ để làm, lúc đó Trần Văn D còn nhỏ. Lúc đó bà không được chia, ông T lấy 01 công; 01 công của Đ bán cho bà 30 giạ lúa vào khoảng năm 1981. Mua bán xong mẹ bà không cho chồng bà tên M1 làm. Lúc này ông D đứng ra lấy lại 02 công và xuất ra 30 giạ lúa trả cho bà. Khi mẹ bà chết ông D lấy tài sản cha mẹ trở về ML (tài sản gồm 01 tủ ly; 01 bàn dài; 06 ghế 01; 01 tủ thờ; 01 khuôn bánh kẹp - Vì ông D có vợ ra riêng tại đây). Bà cự cãi và đòi kiện ra tòa thì ông D mới ngồi lại chia. Cụ thể: 05 công đất cha mẹ để lại phần 02 công D đã xuất ra 30 giạ lúa nên phần này là của D. Còn lại 03 công D 01 công, còn lại 02 công chia làm 04 phần mỗi phần 500m$^2$ (K, Đ, G và T). Việc phân chia không có giấy tờ. Có mặt bà, D, K (Ngay dịp làm tuần 100 ngày mẹ ruột của bà, tại nhà mẹ ruột). Lúc đó đất trị giá 01 công là 1,6 cây vàng 24k, nên D đưa bà 08 chỉ vàng 24k và lấy 500m$^2$ của bà nên phần của bà xong. Còn phần của ông Đ lúc đó bà có hỏi tính sao (Vì khi chia không có mặt Đ, nhưng Đ đang ở ngoài đường bà kêu vô nhưng Đ không vô) ông D trả lời để anh em sẽ tính sau. Ông D không đưa 08 chỉ vàng 24k; nên ông Đ theo đòi, do đó ông D có đưa cho bà chiếc nhẫn 02 chỉ vàng 24k kêu bà đến tiệm vàng PĐ cắt ra làm 02 chiếc, mỗi chiếc 01 chỉ vàng đưa cho Đá 01 chỉ, còn 01 chỉ bà trả lại D. Còn việc đổi đất giữa T và Đ bà không biết, nhưng bà biết ông Đ chỉ mới lấy 01 chỉ vàng 24k, còn 07 chỉ vàng 24k ông D chưa đưa. Nay, ông Đ yêu cầu chia 500m$^2$ trị giá 40.000.000đ bà thấy hợp lý. Riêng phần bà, bà đã lấy 500m$^2$ trị giá 08 chỉ vàng 24k bà cũng yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản cha mẹ để lại cho bà. Nhưng nếu bà được nhận 1000m$^2$ thì bà đồng ý trả lại cho ông D 8 chỉ vàng 24k, đất tọa lạc tại ấp LT, LĐ, CM, An Giang, hiện do ông D đứng tên quyền sử dụng.

*Ông Trần Văn T trình bày*: Tôi thống nhất phần trình bày của bà G về cha mẹ anh em bà G trình bày là đúng. Cha mẹ chết để lại 5.000m$^2$. Nguồn gốc đất là do chính sách nhường cơm sẻ áo được Nhà nước cấp. Lúc cha mẹ còn sống cho ông 01 công, cho ông Đ 01 công, lúc này gia đình có 07 nhân khẩu nên ông làm đơn xin thêm được cấp cho ông được 500m$^2$ đất rẫy. Đất này chủ cũ là ông Võ Văn O. Do ông Đ có vợ bán hàng bông nên đổi 500m$^2$ đất rẫy này lấy 01 công đất của ông Đ nên ông Đ chỉ sử dụng 500m$^2$ đất rẫy này. Sau này chủ cũ là ông O lấy đất lại và đưa lúa cho ông Đ, bao nhiêu thì ông không nhớ. Còn ông sử dụng 01 công của ông Đ. Tổng cộng ông có 02 công. Ông làm được khoảng 04 năm ông gặp khó khăn, nên ông bán nhà riêng của ông cho người khác 01 cây vàng 24k. Lúc đó 02 công đất của ông trị giá 08 chỉ vàng 24k, ông D đưa thêm 02 chỉ là đủ 10 chỉ vàng 24k, ông lấy số vàng này chuộc lại nhà

và xem như đã bán 02 công đất cho ông D, xem như xong; Nay ông không yêu cầu chia thừa kế vì đã bán cho D rồi và cha mẹ cũng đã cho xong. Việc anh em chia nhau đất có mặt ông, do ông đã có phần rồi nên ông không nhận. Việc chia này không có giấy tờ. Nay ông không yêu cầu chia thừa kế vì đã giải quyết xong, còn phần Đ yêu cầu chia thừa kế là không đúng vì đã chia cho Đ xong.

*Ông Trần Văn K trình bày*: Tôi thống nhất với lời trình bày của bà G. ông thừa nhận tài sản cha mẹ để lại 5000m$^2$ đất. Ngày làm tuần 100 ngày mẹ anh em ông gồm: K, G, T, D. Phần của ông 500m$^2$ ông bán lại cho D vì trong thời gian này do hoàn cảnh khó khăn ông có nhờ D vay vốn để con ông đi học, nhưng ông không trả được vốn và lãi nên vợ D cằn nhằn vì vậy 02 bên thỏa thuận với nhau xem như lấy 500m$^2$ đất của ông, phần nợ của ông D trả thay. Ông không yêu cầu chia thừa kế, phần ông Đ yêu cầu chia 500m$^2$ ông không có ý kiến.

*Ủy ban nhân dân huyện CM trình bày*: Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn D, nguồn gốc đất là của cha mẹ cho lại sử dụng. Sau khi thỏa thuận anh chị em trong gia đình năm 1994 ông D lập bảng kê khai ruộng đất xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng với nguồn gốc ghi trong đơn là đất cấp đã thỏa thuận xong và được Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận xã LĐ thống nhất duyệt cấp ngày 14/7/1994. Đến ngày 25/11/1994 ông D được Ủy ban nhân dân huyện CM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01296QSDĐ/cB diện tích 5.265m$^2$ đất tọa lạc tại ấp LT, xã LĐ, huyện CM, tỉnh An Giang. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D là đúng đối tượng và đúng trình tự pháp luật quy định, Ủy ban nhân dân huyện CM có yêu cầu vắng mặt khi Tòa án hòa giải, xét xử.

Ông Lê Văn U và bà Lư Thị Thùy Ch trình bày: Trước đây chúng tôi có hợp đồng thuê đất với ông Trần Văn D, diện tích 5000m$^2$ giá 12.500.000đ/năm, thời hạn đến hết 12.2014. Nhưng nay đất tranh chấp chúng tôi đã trả lại đất cho ông D. Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 20/3/2019 của Toà án nhân dân huyện CM đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trần Văn Đ.

Ông Trần Văn Đ được hưởng số tiền 50.000.000đ.

Ông Trần Văn D được quyền sử dụng phần đất diện tích 5.470m$^2$ tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 theo bản vẽ Hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới) đo vẽ ngày 05 tháng 12 năm 2014 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01296QSDĐ/cB diện tích 5.265m$^2$ tờ bản đồ số 03; thửa số 2558 do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp ngày 25/11/1994 (hiện do ông D quản lý).

Ông Trần Văn D có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Trần Văn Đ số tiền 50.000.000đ.

Ông Trần Văn D có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành đăng ký biến động đất đai theo qui định của pháp luật về đất đai.

Bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 27/3/2019 ông Trần Văn D kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CM.

Ngày 19/4/2019 bà Trần Thị G kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CM.

**Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:** Các đương sự ông Trần Văn Đ, Trần Văn D và bà Trần Thị G tự nguyện thỏa thuận với nhau có nội dung như sau: Ông Trần Văn D tự nguyện cho ông Trần Văn Đ số tiền 40.000.000đ; xem như các anh em không còn tranh chấp nữa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Ông Trần Văn D, bà Trần Thị G nộp đơn kháng cáo, bà G được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm; còn ông D có đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự ông Trần Văn Đ, Trần Văn D và bà Trần Thị G tự nguyện thỏa thuận với nhau có nội dung như sau: Ông Trần Văn D tự nguyện cho ông Trần Văn Đ số tiền 40.000.000đ; xem như các anh em không còn tranh chấp nữa; Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện, không ai ép buộc phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; cần sửa án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận này; Các phần còn lại của án sơ thẩm giữ y;

[3] Về chi phí thẩm định, đo đạc ở giai đoạn phúc thẩm: là 2.688.000đ ông Trần Văn D tự nguyện chịu; do ông Đ đã tạm ứng trước nên buộc ông D có trách nhiệm hoàn lại cho ông Đ số tiền 2.688.000đ;

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Văn Đ được miễn toàn bộ;

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông D không phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo luật định. Bà Trần Thị G được miễn án phí phúc thẩm;

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 điều 148, điều 296, 300 của Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2015;

Căn cứ Điều 612, 649, 650, 651, 652, 620, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự ông Trần Văn Đ, ông Trần Văn D và bà Trần Thị G;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 20/3/2019 của Toà án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

Ông Trần Văn D tự nguyện cho ông Trần Văn Đ số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*)

Ông Trần Văn D được quyền sử dụng phần đất diện tích 5.535m$^2$ tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 theo bản vẽ Hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh huyện Chợ Mới đo vẽ ngày 20 tháng 4 năm 2020; có diện tích 5.265m$^2$ tờ bản đồ số 03; thửa số 2558 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01296QSDĐ/cB do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp ngày 25/11/1994 Trần Văn D (hiện do ông D quản lý,sử dụng).

Ông Trần Văn D có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành đăng ký biến động đất đai theo qui định của pháp luật về đất đai.

- Chi phí đo đạc, thẩm định lần 1: 1.154.010 đồng (do ông Đ tạm nộp) ông Đ phải chịu là 577.010 đồng. Ông D phải chịu là 577.000đ, ông D có nghĩa vụ giao lại cho ông Đ số tiền 577.000 đồng.

- Chi phí phát sinh đo đạc, thẩm định lần 2: là 2.688.000đ (Ông Đ đã tạm nộp), ông Trần Văn D tự nguyện chịu, nên ông D có trách nhiệm hoàn lại cho ông Trần Văn Đ số tiền 2.688.000đ;

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Đ được miễn

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn D không phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được hoàn lại 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012824 ngày 27/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CM. Bà Trần Thị G được miễn án phí phúc thẩm;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Những phần Quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 20/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang, không bị kháng cáo,

kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đương sự " Để thi hành"
- *Lưu: HS.*

**Nguyễn Văn Sơn**